

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	
1	2120120547	PHẠM THỊ VÀNG ANH	18/10/2001	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
2	2120120039	PHẠM THỊ HỒNG DIỄM	11/06/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
3	2120120548	ĐỖ QUANG DŨNG	15/08/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
4	2120120549	NGUYỄN TRẦN HUỆ ĐẠT	18/12/2001	CCQ2012LA						9.0	(V) (U)
5	2120120551	ĐÀM XUÂN HIỆP	19/11/2002	CCQ2012LA						9.5	(V) (U)
6	2120120690	PHÙNG GIA HUY	28/07/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
7	2120120691	LÊ VŨ NHƯ HUYỀN	06/12/2001	CCQ2012LA							(V) (U)
8	2120120572	HUỲNH NHƯ NGỌC	28/10/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
9	2120120553	DƯƠNG HOÀNG YẾN NHI	24/07/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)
10	2120120557	NGUYỄN TẤN QUỲNH	08/10/2002	CCQ2012LA							(V) (U)
11	2120120558	NGUYỄN THỊ NHƯ THẢO	01/05/2002	CCQ2012LA						9.5	(V) (U)
12	2120120692	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	16/04/2002	CCQ2012LA						9.0	(V) (U)
13	2120120559	BÙI PHƯỚC TIẾN	19/01/2002	CCQ2012LA						9.0	(V) (U)
14	2120120552	NGUYỄN THỊ THU TRINH	03/12/1996	CCQ2012LA						9.5	(V) (U)
15	2120120560	PHÙNG THANH TÙNG	06/01/2002	CCQ2012LA						9.0	(V) (U)
16	2120120693	NGUYỄN NGỌC VINH	11/10/2002	CCQ2012LA						8.5	(V) (U)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn
1	2120120587	HÀ NGỌC KIỀU ANH	27/03/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
2	2120120609	NGUYỄN HOÀNG ANH	30/08/2002	CCQ2012R						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
3	2120120142	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	12/06/2002	CCQ2012E						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
4	2120120522	TRỊNH VŨ HỒNG ÂN	31/08/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
5	2120120488	CÁP THANH CẢNH	03/05/2002	CCQ2012O						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
6	2120120452	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	30/08/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
7	2120120523	NGUYỄN MINH CHIẾN	19/12/2002	CCQ2012P						9.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
8	2120120421	NGUYỄN THỊ THANH CÒN	04/06/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
9	2120270143	HỒ PHƯƠNG THÚY DIỄM	20/08/2002	CCQ2012Q						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
10	2120120455	TRƯƠNG NGỌC DIỆP	16/05/2002	CCQ2012N						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
11	2119120320	LÊ THỊ DUNG	07/05/2001	CCQ1912J							(0) (1) (2) (3) (4)
12	2120120179	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	30/10/2001	CCQ2012F						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
13	2120120144	PHAN THỊ HỒNG DUNG	18/08/2000	CCQ2012E						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
14	2120120248	NGUYỄN VĂN DŨNG	03/04/2001	CCQ2012H						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
15	2120120456	ĐẶNG LÂM DUY	08/02/2002	CCQ2012N						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
16	2120120578	NGUYỄN THỊ THÚY DUYÊN	01/01/2002	CCQ2012P							(0) (1) (2) (3) (4)
17	2120120281	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	25/10/2002	CCQ2012I						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
18	2120120715	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	17/07/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
19	2120120109	NGUYỄN HUỲNH TẤN ĐẠT	06/08/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
20	2120120284	NGUYỄN THỊNH ĐẠT	29/08/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm

STT	Mã SV	Họ và Tên	ĐẠT	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
21	2120120110	VÕ THÀNH	ĐẠT	26/05/2002	CCQ2012D						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	2120120612	TRƯƠNG THỊ THÚY	ĐIỂM	07/02/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	2120120183	TRẦN NHẬT	ĐOAN	12/01/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	2120120111	BÙI VĂN	ĐOÀN	28/02/2002	CCQ2012D						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	2120120613	TRẦN VĂN	ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	2120120146	NGUYỄN THỊ	GIANG	13/05/2001	CCQ2012E						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	2120120147	PHẠM THỊ TRÚC	GIANG	01/05/2002	CCQ2012E						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	2120240097	VŨ THỊ NGỌC	GIANG	17/03/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	2120120591	LÊ THỊ PHƯƠNG	HĂNG	12/03/2002	CCQ2012Q						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	2120120423	NGUYỄN THỊ	HĂNG	08/07/2002	CCQ2012M						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	2120120149	NGUYỄN THỊ MỸ	HĂNG	03/06/2002	CCQ2012E						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	2120110249	HUYỀN TRUNG	HẬU	29/11/2002	CCQ2012R						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	2120120285	NGUYỄN SÔNG	HẬU	02/05/2002	CCQ2012I						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	2120120425	HOÀNG TRẦN THẢO	HIỀN	24/09/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	2119120488	LÊ NGỌC	HIỀN	26/02/2001	CCQ1912N						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	2119120489	LÊ THỊ THANH	HIỀN	19/07/2001	CCQ1912N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	2120120151	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	23/01/2002	CCQ2012E						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	2120120615	NGUYỄN THANH	HIỆP	17/12/2000	CCQ2012R						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	2118110026	NGUYỄN HỒNG	HIẾU	05/03/1999	CCQ1812I						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	2120120694	NGUYỄN THỊ KIM	HIẾU	25/05/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
41	2120120592	TRẦN TRUNG HIẾU	03/11/2002	CCQ2012Q						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
42	2120120458	PHẠM DIỆU HOA	18/08/2002	CCQ2012N						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
43	2120120652	NGUYỄN THANH HÒA	10/01/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
44	2120120185	DƯƠNG TIỂU HỒNG	26/06/2002	CCQ2012F						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
45	2120120287	LÊ THỊ KIM HỒNG	06/11/2002	CCQ2012I							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
46	2120120077	PHẠM THỊ HỒNG	02/02/2002	CCQ2012C						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
47	2120120427	LÊ THỊ NGỌC HUỆ	05/06/2001	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
48	2120120617	MAI THỊ HUỆ	06/02/2002	CCQ2012R						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
49	2120120153	NGUYỄN THỊ HUỆ	30/01/2002	CCQ2012E						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
50	2120120079	LÂM LÊ QUANG HUY	01/07/1999	CCQ2012C						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
51	2119120645	LÔ THẾ HUY	28/06/2000	CCQ1912M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
52	2120120573	TRƯƠNG VĂN HUY	06/11/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
53	2120120155	TRẦN KHÁNH HUYỀN	11/07/2001	CCQ2012E						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
54	2120120159	ĐỖ GIA KHÁNH	24/07/2000	CCQ2012E						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
55	2120120459	NGUYỄN VĂN KHÁNH	14/05/2002	CCQ2012N						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
56	2120120186	ĐỖ QUỲNH MAI KHÔI	23/01/2002	CCQ2012F						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
57	2120120187	NGUYỄN THỊ THU KIỀU	19/11/2002	CCQ2012F						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
58	2120120461	NGUYỄN THỊ LẠC	28/08/2002	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
59	2120120594	HUỲNH THỊ THÚY LÀI	17/06/2002	CCQ2012Q						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
60	2120120695	VÕ THỊ NGỌC LÀI	22/08/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chủ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
61	2120120460	NGÔ THỊ HƯƠNG LAN	27/11/2002	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
62	2120120593	VŨ THỊ HƯƠNG LAN	04/11/2002	CCQ2012Q						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
63	2120120188	ĐÀO THỊ LANH	09/08/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
64	2120120160	HOÀNG THỊ HỒNG LIÊN	23/12/2002	CCQ2012E						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
65	2120120638	HUỲNH THỊ KIM LIÊN	07/11/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
66	2120190009	LÊ HOÀI LINH	16/06/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9.0
67	2120120189	LÊ THỊ MỸ LINH	07/01/2002	CCQ2012F						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	7.5
68	2120120292	TRẦN THỊ HUYỀN LINH	08/02/2002	CCQ2012I							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
69	2120120122	TRẦN THỊ MỸ LINH	09/02/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
70	2120120161	TRƯƠNG KHÁNH LINH	29/11/2002	CCQ2012E							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
71	2120120190	ĐỖ THỊ KIM LINH	30/12/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
72	2120120327	ĐỖ THỊ KIM LOAN	06/12/2002	CCQ2012J						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9.5
73	2120120464	ĐẶNG VĂN LỘC	02/01/2002	CCQ2012N						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
74	2120120712	PHAN TẤN LỰC	07/03/2002	CCQ2012P						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9.5
75	2120120163	ĐẶNG TRÚC LY	20/10/2002	CCQ2012E							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
76	2120120191	HOÀNG THỊ HƯƠNG LY	16/03/2002	CCQ2012F							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
77	2120120328	NGUYỄN VIỆT MAI	09/11/2002	CCQ2012J							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
78	2119120597	ĐỖ VĂN MẠNH	02/08/2001	CCQ1912Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.0
79	2120120080	DIỆP NGỌC HỒNG MI	09/09/2002	CCQ2012C						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5
80	2120120296	LÝ THỊ DIỄM MY	01/08/2002	CCQ2012I						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm
		<i>Võ Nhàn</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
81	2120120595	PHAN HUỲNH MY	05/01/2002	CCQ2012Q						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
82	2120110227	TRẦN VĂN NAM	20/06/2002	CCQ2012R						9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
83	2120120192	PHẠM THỊ HUỲNH	25/02/2002	CCQ2012F						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
84	2120120164	LÊ THỊ BÍCH	11/08/2002	CCQ2012E						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
85	2120120701	NGUYỄN THỊ CẨM	29/05/2002	CCQ2012N						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
86	2120120653	NGUYỄN THỊ LÊ PHƯƠNG	23/07/2002	CCQ2012F						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
87	2120120467	NGUYỄN THỊ VỊNH	25/06/1960	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
88	2120260226	NGÔ HOÀNG KIM	31/08/2002	CCQ2012Q							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
89	2120120329	NGUYỄN THỊ NHƯ	04/01/2002	CCQ2012J						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
90	2120120431	LÊ TRUNG	09/05/2002	CCQ2012M						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
91	2120120469	NGUYỄN CHÍ	29/09/2002	CCQ2012N						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
92	2120120371	NGUYỄN THỊ THẢO	09/05/2002	CCQ2012K						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
93	2120120331	TRƯƠNG THỊ	13/02/2002	CCQ2012J							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
94	2120120128	ĐẶNG THỊ YẾN	08/10/2002	CCQ2012D						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
95	2120120085	LÂM THỊ YẾN	11/05/2002	CCQ2012C						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
96	2120120127	TÔ THỊ TUYẾT	15/09/2002	CCQ2012D						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
97	2120120532	HỒ THỊ HỒNG	15/09/2002	CCQ2012P						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
98	2120120333	HUỲNH THỊ	07/05/2002	CCQ2012J						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
99	2120120130	NGUYỄN THỊ	21/06/2001	CCQ2012D						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
100	2120120132	NGUYỄN HỒNG	06/06/2002	CCQ2012D						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
101	2120120621	PHẠM THỊ NGỌC NHƯ	27/09/2002	CCQ2012R						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	2120120436	PHÙNG THỊ YẾN NHƯ	22/07/2002	CCQ2012M						8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	2120120193	VÕ THANH QUỲNH NHƯ	15/01/2002	CCQ2012F						7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	2120120472	TRẦN THỊ MỸ NỮ	17/06/2001	CCQ2012N						8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	2120120706	NGUYỄN THỊ BẢO OANH	14/11/2001	CCQ2012O						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	2120120718	TRƯƠNG THỊ HOÀNG OANH	15/09/2002	CCQ2012Q						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	2119120365	HUỖNH THỊ PHẤN	27/03/2001	CCQ1912K						8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	2120120194	HÀNG TRIỆU PHÚ	27/09/2002	CCQ2012F						8.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
109	2120120475	NGUYỄN THANH PHÚ	08/05/2002	CCQ2012N						8.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
110	2120120597	VÕ THỊ MỸ PHỤNG	05/10/2002	CCQ2012Q						9.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
111	2119120338	LÊ HỒNG ĐẠI PHƯỚC	01/01/2001	CCQ1912J						9.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
112	2120120672	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	05/11/2002	CCQ2012J						8.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
113	2121120650	LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG	28/08/2000	CCQ2112A						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
114	2120120335	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/10/2002	CCQ2012J						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
115	2120120622	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	09/03/2002	CCQ2012R						9.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
116	2120260127	KHUẤT THỊ PHƯƠNG	15/02/2002	CCQ2012Q						9.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
117	2119120467	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	29/03/2000	CCQ1912M							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
118	2120120598	NGUYỄN HỮU THÁI QUANG	17/08/2002	CCQ2012Q						7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
119	2120120136	TRẦN MINH QUÂN	24/09/2002	CCQ2012D						8.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
120	2119120018	HỒ THỊ KIM QUYÊN	02/07/2001	CCQ1912A						7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
121	2120120337	TRẦN TÚ	22/08/2002	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
122	2120120438	TRẦN QUANG	20/11/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
123	2120120569	HOÀNG NHƯ	23/08/2001	CCQ2012J						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
124	2120120556	LƯƠNG THỊ NHƯ	20/08/2001	CCQ2012R						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
125	2120120196	NGUYỄN NHƯ	16/03/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
126	2120120568	NGUYỄN THỊ NHƯ	04/10/2002	CCQ2012F						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
127	2120120197	TRẦN NHƯ	15/04/2002	CCQ2012F						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
128	2120120340	NGUYỄN PHƯỚC	15/10/2000	CCQ2012J						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
129	2120120090	LÊ THỊ TUYẾT	09/03/2002	CCQ2012C						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
130	2120120476	TRẦN THỊ THẢO	08/08/2002	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
131	2120170337	NGUYỄN NGỌC	29/03/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
132	2120120200	NGUYỄN DUY	09/07/2002	CCQ2012F						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
133	2120120092	LÊ THỊ KIM	28/01/2002	CCQ2012C						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
134	2120120724	TRẦN KIM	20/05/2002	CCQ2012R						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
135	2120120669	TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/01/2002	CCQ2012I						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
136	2119120022	ĐẶNG THỊ THU	03/03/2001	CCQ1912A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
137	2120120342	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	10/08/2002	CCQ2012J						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
138	2120120303	NGUYỄN THỊ THANH	11/03/2002	CCQ2012I							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
139	2120120343	NGUYỄN THỊ THANH	07/10/2002	CCQ2012J						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
140	2120120719	NGUYỄN THỊ THANH	07/02/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm
		<i>Võ Thị</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
141	2120120441	TRÀ LÊ PHƯƠNG THẢO	09/11/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
142	2120120726	TRẦN THỊ THU THẢO	15/09/2002	CCQ2012R						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(6)
143	2120170483	TRẦN VĂN THẢO	02/02/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
144	2120120096	VŨ THỊ THẢO	22/09/2002	CCQ2012C						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
145	2120120729	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	24/03/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
146	2120170454	NGUYỄN NGỌC THẮNG	11/01/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
147	2120120304	PHAN THỊ NGỌC THẨM	17/06/2002	CCQ2012I						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
148	2120120169	TRƯƠNG HUỲNH THIÊN	05/05/2002	CCQ2012E						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
149	2120120642	ĐẶNG CHÍ THÔNG	28/03/2002	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
150	2120120170	NGUYỄN THỊ HOA THƠM	07/06/2002	CCQ2012E						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
151	2120170098	NGUYỄN HỒNG THU	21/11/2001	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
152	2120120171	LÊ THỊ THÙY	02/05/2002	CCQ2012E						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
153	2120120647	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY	10/04/2002	CCQ2012E						9.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
154	2120120202	PHAN NGỌC NHẢ THÙY	02/07/2002	CCQ2012F						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
155	2119120471	ĐẶNG THANH THÙY	12/05/2001	CCQ1912M							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
156	2120120445	HUỲNH THỊ XUÂN THÚY	02/11/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
157	2120120727	MAI THỊ THÚY	11/06/2002	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
158	2120120444	NGUYỄN THỊ THU THÚY	10/04/2002	CCQ2012M						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
159	2120120172	PHAN THỊ THÚY	23/05/2002	CCQ2012E						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)
160	2120120443	NGUYỄN THỊ KIM THUYỀN	31/10/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
161	2120120447	ĐOÀN NGUYỄN MINH THỨ	11/12/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
162	2120120698	LÊ ĐỖ MINH THỨ	08/06/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
163	2120110027	NGUYỄN VĂN THỨ	08/07/2002	CCQ2012R							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
164	2120120728	TRẦN THỊ THƯƠNG	28/03/2002	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
165	2120120603	PHẠM THỊ CẨM TIỀN	18/06/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
166	2120120137	ĐOÀN ĐỨC TIẾNG	09/07/2001	CCQ2012D						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
167	2120120648	NGUYỄN TRUNG TÍN	28/12/2002	CCQ2012E						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
168	2120120483	HUỲNH NGUYỄN NGUYỄN TÍNH	20/04/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
169	2120120723	ĐỖ CAO TOÀN	26/08/2001	CCQ2012Q						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
170	2120120448	LÊ THANH TRÀ	19/05/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
171	2120120541	HỎA THỊ HUYỀN TRANG	13/08/2002	CCQ2012P						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
172	2120120570	LƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	06/12/2002	CCQ2012J							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
173	2119120236	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/06/2001	CCQ1912G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
174	2120120347	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	22/11/2001	CCQ2012J						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
175	2120120604	TRẦN MỸ TRANG	22/06/2002	CCQ2012Q						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
176	2120100360	TRẦN THỊ THÙY TRANG	12/08/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
177	2120120308	TRẦN VŨ THÙY TRANG	10/09/2001	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
178	2120120203	TRẦN NGỌC MỸ TRINH	29/04/2002	CCQ2012F						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
179	2120120575	PHAN ĐÌNH TRỌNG	14/03/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
180	2120120204	TRẦN ĐỖ THANH TRÚC	15/08/2002	CCQ2012F						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
 CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi
		<i>Ng Minh</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm
181	2120120514	HỒ QUỐC TRUNG	01/01/2002	CCQ2012O							7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
182	2120120173	PHẠM GIA TRƯỜNG	23/09/2001	CCQ2012E							7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
183	2120120451	HỒ THỊ THANH TÚ	17/05/2002	CCQ2012M						8.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
184	2120120518	VÕ ANH TÚ	19/06/2002	CCQ2012O						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
185	2120120606	NGUYỄN ĐỖ ANH TUẤN	18/08/2001	CCQ2012Q						7.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
186	2120120206	HUỖNH THỊ THANH TUYỀN	24/07/2002	CCQ2012F						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
187	2120120174	TRƯƠNG THỊ LỆ TUYỀN	01/05/2002	CCQ2012E						7.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
188	2120120637	VÕ THỊ NGỌC TUYẾN	25/03/2002	CCQ2012C						9.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
189	2120120702	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	31/12/2002	CCQ2012N						7.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
190	2120120546	NGUYỄN THỊ NHÃ UYÊN	12/02/2002	CCQ2012P						8.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
191	2120120625	LƯƠNG ÁNH VÂN	02/04/2002	CCQ2012R						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
192	2120120102	PHẠM NGUYỄN HỒNG VI	20/05/2002	CCQ2012C						8.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
193	2120120208	NGÔ CẨM VĨ	07/07/2002	CCQ2012F						8.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
194	2120120486	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	01/12/2001	CCQ2012N						7.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
195	2120120105	NGUYỄN KHÚC NHẬT VY	22/05/2002	CCQ2012C						8.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
196	2120120104	NGUYỄN THỊ CẨM VY	04/11/2002	CCQ2012C						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
197	2120120312	PHAN THỊ THU THẢO VY	06/09/2002	CCQ2012I						8.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
198	2120120670	TRẦN THÁI THANH XUÂN	13/01/2002	CCQ2012I						8.5	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
199	2120120521	NGUYỄN THỊ XUÂN YÊN	27/09/2002	CCQ2012O						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1
200	2120120703	TRỊNH THỊ NHƯ YÊN	14/11/2002	CCQ2012N						9.0	7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000662

Trang :

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Võ Minh Sơn</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
201	2120120313	NGUYỄN PHI YẾN	18/09/2002	CCQ2012I						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
202	2120120314	PHẠM THỊ PHI YẾN	21/02/2002	CCQ2012I						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 02

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1
		<i>Nguyễn Sơn</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn
1	2120120106	BÙI THỊ THÚY AN	26/07/2002	CCQ2012D						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	2120120456	ĐẶNG LÂM DUY	08/02/2002	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	2120120110	VÕ THÀNH ĐẠT	26/05/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	2120120613	TRẦN VĂN ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	2121120205	ĐỖ VŨ HOÀNG	10/04/2003	CCQ2112F						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	2120120423	NGUYỄN THỊ HẰNG	08/07/2002	CCQ2012M						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	2120120710	NGUYỄN THỊ HIỀN	21/05/2002	CCQ2012P						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	2120120075	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	15/10/2002	CCQ2012C						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	2118110026	NGUYỄN HỒNG HIẾU	05/03/1999	CCQ1812I						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	2120120322	LÊ MINH HOÀNG	01/06/2002	CCQ2012J						7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	2120120079	LÂM LÊ QUANG HUY	01/07/1999	CCQ2012C						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	2120120154	PHẠM THẾ HUY	05/08/1999	CCQ2012E						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	2120120711	NGUYỄN THANH HUYỀN	15/05/2002	CCQ2012P							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	2120120115	LÊ PHẠM NHƯ HUỲNH	27/11/2002	CCQ2012D						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	2120120461	NGUYỄN THỊ LẠC	28/08/2002	CCQ2012N							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	2120120638	HUỲNH THỊ KIM LIÊN	07/11/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	2120120122	TRẦN THỊ MỸ LINH	09/02/2002	CCQ2012D						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	2119120087	HUỲNH THỊ TUYẾT MAI	21/05/2001	CCQ1912C						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	2120120328	NGUYỄN VIỆT MAI	09/11/2002	CCQ2012J							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	2120120123	PHẠM THỊ THANH MAI	21/11/2002	CCQ2012D						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng : 000709

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 02**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1
		<i>Vs Ninh Sĩ</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng
21	2119120597	ĐỖ VĂN MẠNH	02/08/2001	CCQ1912Q						7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	2120120080	DIỆP NGỌC HỒNG	09/09/2002	CCQ2012C						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	2121120177	LÊ HOÀNG MY	05/04/2003	CCQ2112F						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	2120120371	NGUYỄN THỊ THẢO	09/05/2002	CCQ2012K						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	2120120662	NGUYỄN THỊ THẢO	20/07/2001	CCQ2012H						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	2120120222	MAI KIM NHÂN	17/08/2001	CCQ2012G						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	2120120128	ĐẶNG THỊ YẾN	08/10/2002	CCQ2012D						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	2120120085	LÂM THỊ YẾN	11/05/2002	CCQ2012C						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	2120120129	NGUYỄN THỊ YẾN	20/12/2002	CCQ2012D						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	2120120127	TÔ THỊ TUYẾT	15/09/2002	CCQ2012D						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	2120120332	TRỊNH THỊ YẾN	21/09/2001	CCQ2012J						7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	2119270120	LÊ HUỖNH NHƯ	22/11/2001	CCQ1912Q						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	2120120134	LÊ DUY TỔ	21/06/2002	CCQ2012D						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	2120120473	NGUYỄN THÚY	25/08/2002	CCQ2012N						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	2120120228	TRẦN HẢI QUANG	24/06/2001	CCQ2012G						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	2120120623	PHẠM VŨ MINH	05/05/2001	CCQ2012R							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	2120120136	TRẦN MINH QUÂN	24/09/2002	CCQ2012D						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	2120120090	LÊ THỊ TUYẾT SƯƠNG	09/03/2002	CCQ2012C						8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	2120120669	TRẦN THỊ PHƯƠNG	02/01/2002	CCQ2012I						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	2120120725	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	18/05/2002	CCQ2012R							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Mã nhận dạng : 000709

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1
		<i>Trần Văn Minh</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn
41	2120120726	TRẦN THỊ THU	THẢO	15/09/2002	CCQ2012R					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	2120120096	VŨ THỊ	THẢO	22/09/2002	CCQ2012C					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	2120120098	PHÙNG	THỜI	10/09/2000	CCQ2012C					7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	2120120537	LINH THỦY	THOM	01/07/2002	CCQ2012P					8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	2120120375	VÕ THỊ THU	THÚY	20/02/2001	CCQ2012K					8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	2120100360	TRẦN THỊ THỦY	TRANG	12/08/2002	CCQ2012Q					7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	2120120239	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRIỀU	25/07/2000	CCQ2012G					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	2120120649	HOÀNG THỊ THANH	TRÚC	10/07/2002	CCQ2012E						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	2120120514	HỒ QUỐC	TRUNG	01/01/2002	CCQ2012O						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	2120120518	VÕ ANH	TÚ	19/06/2002	CCQ2012O					8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	2119120577	HÀ THANH	TUẤN	12/04/2001	CCQ1912P					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	2120120546	NGUYỄN THỊ NHÃ	UYÊN	12/02/2002	CCQ2012P						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	2120120102	PHẠM NGUYỄN HỒNG	VI	20/05/2002	CCQ2012C					8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)